

TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2023

## BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2022

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### I. Thông tin về quỹ

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN**
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-FIX**”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ DFVN-FIX hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

3. Thời hạn hoạt động của quỹ: không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán

hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2022: 6.223.320,66 đơn vị quỹ

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Điều lệ Quỹ DFVN-FIX sửa đổi, bổ sung lần thứ 2 đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ thông qua vào ngày 25/04/2022.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ DFVN-FIX được trình bày chi tiết tại *Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-FIX* ký ngày 31/03/2022 đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ [https://dfvn.com.vn/sites/default/files/info\\_disclosure\\_doc/3.%20Thong%20bao%20ve%20viec%20sua%20doi%20C%20bo%20sung%20Dieu%20le%20Quy%20DFVN-FIX.pdf](https://dfvn.com.vn/sites/default/files/info_disclosure_doc/3.%20Thong%20bao%20ve%20viec%20sua%20doi%20C%20bo%20sung%20Dieu%20le%20Quy%20DFVN-FIX.pdf); trong đó nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ liên quan đến quy định về chi phí hoạt động của Quỹ, định nghĩa và tiêu chí lựa chọn của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, chi tiết về giao dịch Chứng chỉ Quỹ (lệnh bán, phương thức thanh toán, mua lại một phần Chứng chỉ Quỹ, ...).

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Vào ngày 25/04/2022, Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFVN-FIX năm 2022:
  - o Thông qua mức thù lao Ban Đại diện Quỹ là 3.000.000 VNĐ/tháng/người;
  - o Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban Đại diện Quỹ DFVN-FIX trong năm 2022 là: 108.000.000 VNĐ
- Ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) Công ty Kiểm toán KPMG, PWC và Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán cho Năm Tài chính 2022 của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-FIX.

9. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát (“NHGS”) về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và

quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“thông tư 98”):

Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“CTQLQ”) đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập và gửi các báo cáo tuần, tháng, và quý của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

## II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

- Danh mục của Quỹ DFVN-FIX:

| <b>Cơ cấu tài sản quỹ</b>            | <b>31/12/2022<br/>(%)</b> | <b>31/12/2021<br/>(%)</b> |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 1.Danh mục chứng khoán cơ cấu        | 38,56                     | 9,49                      |
| 2.Tiền và các khoản tương đương tiền | 3,10                      | 41,58                     |
| 3.Tài sản khác                       | 58,34                     | 48,93                     |
| <b>Cộng</b>                          | <b>100,00</b>             | <b>100,00</b>             |

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

| <b>Chỉ tiêu</b>                                                       | <b>31/12/2022</b> | <b>31/12/2021</b> |
|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND)                                    | 63.434.389.971    | 63.074.823.316    |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)   | 10.193,01         | 10.108,38         |
| Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)                            | 6.223.320,66      | 6.239.853,68      |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ)  | 10.354,10         | 10.108,38         |
| Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ) | 10.061,64         | 9.982,19          |

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

| <b>Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND)</b>                                    | <b>31/12/2022</b> | <b>31/12/2021</b> |
|-----------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Tổng thu nhập của Quỹ</b>                                          | 1.957.940.169     | 2.122.150.254     |
| - Tiền lãi được nhận                                                  | 3.450.102.058     | 2.118.133.284     |
| - Các khoản thu nhập khác                                             | 438.111           | 4.016.970         |
| - Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | (1.492.600.000)   |                   |
| <b>Tổng chi phí của Quỹ</b>                                           | 1.435.189.614     | 1.446.112.847     |
| <b>Tổng lợi nhuận của Quỹ</b>                                         | 522.750.555       | 676.037.407       |

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ:

| <b>CHỈ TIÊU</b>                                                                                                                                                                                                         | <b>Năm 2022 (%)</b> | <b>Năm 2021 (%)</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|
| Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ                                                                                                                             | 0,90                | 0,90                |
| Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ                                                                                                                     | 0,57                | 0,58                |
| Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ | 0,41                | 0,66                |
| Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ                                                                                                                               | 0,21                | 0,23                |
| Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ                                                              | 0,17                | 0,17                |
| Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ                                                                                                                                                   | 2,27                | 2,57                |
| Tốc độ vòng quay danh mục                                                                                                                                                                                               | 16,19               | 5,32                |

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo: *không có*

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

|                             | <b>Năm 2022</b> | <b>Từ ngày thành lập đến 31/12/2021</b> |
|-----------------------------|-----------------|-----------------------------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận (VND)</b> | 522,750,555     | 676,037,407                             |

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ tính từ ngày thành lập quỹ (4/2/2021) tới ngày lập báo cáo: 599.393.981 (VND)

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

|                                                                      | <b>Năm tài chính kết thúc ngày 31/12 năm</b> |             |
|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------|
| <b>Chỉ tiêu</b>                                                      | <b>2022</b>                                  | <b>2021</b> |
| <b>1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>                 |                                              |             |
| <i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)</i>                   | 62.398.536.800                               | -           |
| <i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)</i> | 6.239.853,68                                 | -           |
| <b>2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>      |                                              |             |

|                                                                                        |                 |                 |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)                            | 130.919,55      | 6.391.071,93    |
| Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)                          | 1.309.195.500   | 63.910.719.300  |
| Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)                                   | (147.452,57)    | (151.218,25)    |
| Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND) | (1.474.525.700) | (1.512.182.500) |
| <b>3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)</b>                                  |                 |                 |
| Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)                                           | 62.233.206.600  | 62.398.536.800  |
| Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)                         | 6.223.320,66    | 6.239.853,68    |
| <b>4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)</b>  | 97,20           | 96,92           |
| <b>5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)</b>                     | 97,90           | 98,11           |
| <b>6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)</b>                      | 96,41           | 96,16           |
| <b>7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ</b>                                       | 481             | 611             |
| <b>8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND)</b>                                                        | 10.193,01       | 10.108,38       |

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

**4. Khuyến cáo:** Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

### III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): *Quỹ đã đạt mục tiêu đầu tư theo quy định tại bản cáo bạch.*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự

khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

*Quỹ DFVN-FIX giữ nguyên chiến lược đầu tư như đã công bố trong Bản cáo bạch của Quỹ, đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định của doanh nghiệp có chất lượng tín dụng tốt và lợi suất hấp dẫn.*

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: *Không có sự khác biệt*

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

*Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 đạt VND10.193,01 tăng 0,84% so với giá trị tại thời điểm 31/12/2021 là VND10.108,38.*

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

*Năm 2022 được xem là năm nhiều rủi ro đối với nền kinh tế toàn cầu, các khó khăn được dự báo là rất lớn và có thể kéo dài trong các năm sau, có thể đẩy các quốc gia trên thế giới vào suy thoái. Xung đột vũ trang giữa Ukraine – Nga góp phần làm thương mại toàn cầu bị tác động tiêu cực, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, tình trạng thiếu hụt hàng hóa quan trọng như lương thực, khí đốt, dầu mỏ cũng như giá cả hàng hóa khác trên thế giới tăng mạnh, Bên cạnh xung đột giữa Ukraine - Nga, Trung Quốc còn áp dụng chính sách zero-covid trong suốt năm 2022 đã làm trầm trọng thêm khó khăn trong thương mại toàn cầu, lạm phát tại Mỹ, châu Âu tăng mạnh, gần mức 2 con số, khiến các quốc gia này đẩy nhanh tiến độ thắt chặt tiền tệ và tăng lãi suất.*

*Đối với tình hình trong nước, Chính Phủ đã chỉ đạo mở cửa kinh tế sau dịch bệnh, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với đà phục hồi của kinh tế thế giới, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ trong 2 năm 2022-2023, đẩy mạnh giải ngân đầu tư công với các dự án hạ tầng trọng điểm làm động lực cho phát triển kinh tế toàn xã hội. Các chính sách này ban đầu được đánh giá đã phát huy tác động, hiệu quả, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Kinh tế - Xã hội năm 2022 của nước ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi và tăng trưởng trở lại.*

*Trong bối cảnh chung như vậy, kinh tế vĩ mô của Việt Nam được đánh giá ổn định và phục hồi tốt, Moody trong kỳ đánh giá tháng 9 năm 2022 đã nâng 1 hạng thành Ba2 - ổn định từ mức Ba3 - tích cực. Nền kinh tế vẫn tăng trưởng mạnh với GDP năm 2022 công bố cao hơn mức dự báo ban đầu, đạt 8,02%, tuy nhiên cần lưu ý tốc độ tăng quý 4 năm 2022 đã không còn duy trì động lực như ba quý đầu năm khi chỉ đạt 5,92% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2022 ghi nhận mức kỷ lục 732,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 371,8 tỷ USD, tăng 10,6%; nhập khẩu hàng hóa đạt 360,6 tỷ USD, tăng 8,4%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2022 ước tính xuất siêu 11,2 tỷ USD (so với mức xuất siêu năm 2021 là 3,3 tỷ USD). Chỉ số quản trị mua hàng – PMI đã duy trì giữ trên mức trung bình 50 liên tục trong 13 tháng đến tháng 10 năm 2022, tuy nhiên sau đó PMI của Việt Nam đã rơi xuống dưới mức trung bình 50 trong hai tháng cuối năm 2022 khi ngành sản xuất bắt đầu suy*

giảm và kết thúc năm 2022 ở mức 46,4 trong tháng 12. PMI kỳ tháng 12 cho thấy các điều kiện kinh doanh đang suy giảm do các áp lực về chi phí sản xuất đầu vào cũng như thiếu hụt đơn hàng đang ngày càng lớn. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (“FDI”) năm 2022 duy trì tích cực, số liệu cập nhật của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy tính đến cuối năm 2022, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài đạt 27,72 tỷ USD, giảm 11% so với cùng kỳ năm 2021. Trong khi ngược lại, vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 22,4 tỷ USD tăng 13,5% so với 2021. Mặc dù áp lực lạm phát trong năm 2022 là rất lớn, các mặt hàng thực phẩm và xăng dầu, dịch vụ giáo dục đều tăng cao, tuy nhiên lạm phát bình quân tiếp tục được kiểm soát tốt, với mức tăng nhẹ hơn so với thế giới và nằm dưới mức mục tiêu 4% của Quốc hội (lạm phát bình quân tăng 3,15% so với 2021).

Đối với thị trường tiền tệ, năm 2022 chỉ số Dollar Index (DXY) tăng mạnh phản ánh các biến động của thị trường khi FED đã quyết định nâng lãi suất và rủi ro từ chiến tranh Ukraine - Nga. Giá trị đồng VNĐ cũng bị suy giảm gần 3,5% trong năm 2022 so với USD do FED thắt chặt chính sách tiền tệ và lợi suất trái phiếu của Mỹ tăng mạnh. Đồng thời Ngân hàng nhà nước vào cuối Quý 2 đã bắt đầu bán ra USD để đáp ứng nhu cầu thị trường và bình ổn tỷ giá. Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục duy trì ở mức cao, do thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng không còn dư thừa nhiều so với đầu năm 2021, tín dụng ngân hàng cũng tăng trưởng mạnh với mức hơn 14.2% YoY. Dưới áp lực tăng của lạm phát và thanh khoản của thị trường vẫn duy trì ở mức tương đối cao, lợi suất trái phiếu chính phủ tiếp tục tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, đặc biệt kỳ hạn ngắn tăng nhanh hơn so với kỳ hạn dài khiến cho đường cong lợi suất phẳng hơn.

Năm 2022, Chính phủ đã đặt mục tiêu đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và đây cũng là động lực quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế, hỗ trợ phục hồi sau đại dịch. Trong bối cảnh nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển từ quốc tế suy giảm, đặc biệt là vốn ODA, nguồn vốn huy động trong nước sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng và áp lực phát hành trái phiếu chính phủ là rất lớn.

Bên cạnh đó, Ngân hàng nhà nước kỳ vọng vẫn sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động linh hoạt nhưng duy trì mặt bằng lãi suất thấp hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, xu hướng nâng lãi suất điều hành của các ngân hàng trung ương toàn cầu trong năm 2022 để đối mặt với áp lực lạm phát tăng cao cũng có thể tác động đến mặt bằng lãi suất và khiến cho thị trường Trái phiếu chính phủ Việt Nam càng trở nên rủi ro hơn trong năm 2022.

Kênh trái phiếu doanh nghiệp đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc khai thông nguồn vốn của doanh nghiệp, khi tín dụng ngân hàng trung và dài hạn khó có dư địa tăng trưởng mạnh để đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp. Tuy nhiên một số cá nhân tổ chức đã lợi dụng chính sách khuyến khích phát triển thị trường trái phiếu nhằm phát hành các loại trái phiếu kém chất lượng gây rủi ro cho thị trường và các nhà đầu tư. Cơ quan quản lý nhà nước hiện đang tích cực kiểm soát hoạt động này nhằm giúp cho thị trường phát triển lành mạnh hơn trong dài hạn.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản Cáo bạch.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

m) Các thông tin khác (nếu có): *Không có*

#### **IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022:**

1. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định tại điều 90, điều 91 của Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 điều 75 của thông tư 98: Không có.
2. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) mở:
  - 2.1. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 điều 36 của thông tư 98: Không có.
  - 2.2. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có.
3. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại điều 110 của Luật chứng khoán; điều 24, điều 25 và điều 35 của thông tư 98: không có.
4. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ: không có.

Chi tiết về phân phối chứng chỉ Quỹ:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021 : 6.239.853,68 CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ : 130.919,55 CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ : 147.452,57 CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 31/12/2022 : 6.223.320,66 CCQ

5. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà NHGS phát hiện: không có
6. Các hoạt động khác: không có

#### **V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 31/12/2022:

| <b>Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền</b> | <b>Tỷ lệ so với lợi nhuận (%)</b> | <b>Tỷ lệ so với thu nhập (%)</b> | <b>Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động (%)</b> |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|
| Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở                   | 24,23                             | 6,47                             | 8,83                                           |
| Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng              | 25,04                             | 6,69                             | 9,12                                           |

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

4.1. Bên nhận Ủy quyền - Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Các hoạt động ủy quyền bao gồm dịch vụ Quản trị Quỹ và dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngân hàng HSBC cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ đến hết kỳ giao dịch ngày 12 tháng 7 năm 2022:

|                                        |                    |
|----------------------------------------|--------------------|
| Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở (VND)      | 126.677.431        |
| Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (VND) | 71.278.892         |
| <b>Tổng cộng (VND)</b>                 | <b>197.956.323</b> |

4.2. Bên nhận Ủy quyền - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Từ kỳ giao dịch ngày 19 tháng 7 năm 2022, dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng được cung cấp bởi VSD:

|                                        |                   |
|----------------------------------------|-------------------|
| Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (VND) | 59.612.903        |
| <b>Tổng cộng (VND)</b>                 | <b>59.612.903</b> |

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) (VSD bắt đầu cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng kể từ kỳ giao dịch ngày 19/07/2022, trước đó là Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (DFVN-FIX) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV**

**Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

***Trần Châu Danh***